

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 55, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Trần Văn Chân	02	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Chiến	10	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Kim Chung	22	8,0	Tám	
4	Vũ Duy Cương	63	7,0	Bảy	
5	Lý Văn Dén	31	6,5	Sáu rưỡi	
6	Nguyễn Thị Dịu	52	7,0	Bảy	
7	Bùi Thị Duyên	18	8,0	Tám	
8	Nguyễn Văn Đình	20	7,5	Bảy rưỡi	
9	Lương Thị Hồng Đức	15	7,5	Bảy rưỡi	
10	Lê Mạnh Đức	40	7,5	Bảy rưỡi	
11	Bùi Bằng Giang	58	7,0	Bảy	
12	Cam Văn Giáp	57	7,5	Bảy rưỡi	
13	Lê Hải Hà	36	7,5	Bảy rưỡi	
14	Lương Thị Hà	12	8,0	Tám	
15	Bùi Thị Hải	59	7,5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Thái Hà	30	8,0	Tám	
17	Nguyễn Thế Hanh	27	7,5	Bảy rưỡi	
18	Hà Thị Hiền	14	7,5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Kim Hiếu	38	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	08	7,5	Bảy rưỡi	
21	Ngô Quang Hòa	28	7,0	Bảy	



[Handwritten signature]

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Nguyễn Mạnh Hoàng	49	7,5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Hồng	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đổng Văn Huê	19	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nông Thị Hiền Hương	05	7,5	Bảy rưỡi	
26	Đặng Thị Thu Hương	21	8,0	Tám	
27	Nguyễn Thị Huyền-1988	32	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Thị Huyền-4/1986	44	7,0	Bảy	
29	Nguyễn Thị Huyền-2/1986	29	7,0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Huyền -1982	11	8,0	Tám	
31	Nguyễn Thị Huyền Nhung	13	8,0	Tám	
32	Vũ Văn Khiêm	03	7,5	Bảy rưỡi	
33	Lương Thị Lan	37	7,0	Bảy	
34	Nguyễn Tuấn Linh	51	7,0	Bảy	
35	Bùi Đình Luy	46	7,5	Bảy rưỡi	
36	Đào Bá Lưu	26	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Hà Ly	48	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phạm Thị Quỳnh Mai	50	7,0	Bảy	
39	Nguyễn Hồng Mạnh	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Đỗ Xuân Nghĩa	62	7,0	Bảy	
41	Hứa Thị Hồng Nguyên	-	-	-	Vắng thi
42	Vũ Thị Nguyệt	16	7,5	Bảy rưỡi	
43	Cao Bá Phú	07	8,0	Tám	
44	Bùi Thị Hồng Phượng	56	7,0	Bảy	
45	Trần Văn Quyền	41	7,0	Bảy	
46	Nông Thị Sáu	55	7,0	Bảy	
47	Phạm Hồng Tâm	53	7,5	Bảy rưỡi	
48	Lý Thị Thắm	34	7,5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Thị Phương Thảo	33	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Nông Thị Hương Thảo	54	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Thịnh	04	7,5	Bảy rưỡi	
52	Trần Thị Ngọc Thơm	47	7,5	Bảy rưỡi	
53	Phan Thị Minh Thu	25	8,0	Tám	
54	Nguyễn Huy Thuận	06	7,5	Bảy rưỡi	
55	Kiều Văn Thuyên	09	7,5	Bảy rưỡi	
56	Lục Dân Tiên	42	7,0	Bảy	
57	Lê Thị Hồng Trang	45	8,0	Tám	
58	Lương Khánh Trinh	35	7,5	Bảy rưỡi	
59	Phạm Thị Thanh Tú	17	8,0	Tám	
60	Dương Anh Tú	61	7,0	Bảy	
61	Lương Anh Tuấn	43	7,0	Bảy	
62	Bùi Quốc Tuấn	01	8,0	Tám	
63	Bùi Anh Tuấn	60	7,0	Bảy	
64	Vũ Thị Xuân	24	8,0	Tám	
65	Triệu Văn Quyển	68	7,5	Bảy rưỡi	Phần V.2-K14 Đại Từ
66	Trần Tuấn Anh	64	7,5	Bảy rưỡi	Phần V.2-K14 Đại Từ
67	Nguyễn Thị Hồng	65	8,0	Tám	Phần V.2-K14 Đại Từ
68	Hoàng Thị Thu Hương	66	8,0	Tám	Phần V.2-K14 Đại Từ
69	Phạm Đức Dũng	67	7,5	Bảy rưỡi	Phần V.2-K6 ĐUK

N VIỆT NAM
 NG
 TRI
 NGUYỄN

PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Hồng Mây

KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA



Ngô Thị Hồng Nhung

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




Phạm Minh Chuyên